

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 25 – 01 - 2024

*V/v: tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Tha Mlô
2. Bà Trần Thị Minh Thành

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2023/TLST - DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đăklăk

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà chỉ có mối quan hệ quen biết với ông Đặng Văn T1. Từ năm 2021 ông T1 nhiều lần mua phân của bà T, hai bên mua bán chỉ bằng miệng, không có hợp đồng gì cả. Đến ngày 29/01/2022 hai bên chốt công nợ ông T1 còn nợ bà T 756.100.000 đồng, đến ngày 07/4/2022 ông T1 trả được 19.550.000 đồng, còn nợ lại 736.630.000 đồng hẹn cuối năm 2022 trả hết. Sau đó ông T1 có trả dần ngày 06/3/2023 còn 204.380.000 đồng đến nay mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng ông T1 không trả được nợ như đã cam kết. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền mua bán phân còn nợ gốc là

204.380.000 đồng và lãi suất phát sinh 0.83%/tháng cho đến khi ông T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn ông Đặng Văn T1 trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày: Ông không đồng ý với trình bày của bà T. Ông không trực tiếp mua bán với bà T, ông T1 chỉ giới thiệu khách hàng cho bà T bán phân và bà T làm việc trực tiếp với khách hàng. Còn chữ ký chốt tiền trong chứng từ khởi kiện là đúng của ông T1 để bà T tính hoa hồng cho ông T1, không phải là chốt nợ. Số tiền bà T kiện là tiền của đại lý nợ bà T chứ không phải của ông T1. Ông T1 không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì, hai bên không có hợp đồng mua bán.

Do nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được thời hạn cụ thể trả nợ số tiền nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ **Điều 357**, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Đặng Văn T1 trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 204.380.000 đồng và lãi suất 0.83%/tháng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn T1 trả 204.380.000 đồng tiền mua bán phân còn nợ và lãi suất phát sinh là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Ông Đặng Văn T1 hiện cư trú tại thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Đắklăk trên nên căn cứ vào theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành mở phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về số nợ: Từ năm 2021 ông T1 nhiều lần mua phân của bà T, hai bên mua bán chỉ bằng miệng, không có hợp đồng gì cả. Đến ngày 29/01/2022 hai bên chốt công nợ ông T1 còn nợ bà T 756.100.000 đồng, đến ngày 07/4/2022 ông T1 trả được 19.550.000 đồng, còn nợ lại 736.630.000 đồng hẹn cuối năm 2022 trả hết. Sau đó ông T1 có trả dần ngày 06/3/2023 còn 204.380.000 đồng đến nay mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng không trả, như vậy ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015. Việc ông T1 không trả được nợ khi đến hạn như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả nợ là có căn cứ, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông T1 có trách nhiệm trả nợ cho bà T số tiền 204.380.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Về lãi suất: Trong quá trình tố tụng, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 0.83%/tháng để tính lãi đối với khoản tiền 204.380.000 đồng. Theo giấy nhận nợ không thể hiện ngày ông T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử xác định ngày ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày bà T khởi kiện 06/11/2023 để tính lãi suất phát sinh. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận cụ thể lãi suất phát sinh được tính đến ngày xét xử như sau:

- Từ ngày 06/11/2023 đến ngày xét xử 25/01/2024 là:

$204.380.000 \text{ đồng} \times 80 \text{ ngày} \times 0.83\% : 30 = 4.523.600 \text{ đồng}$ (đã làm tròn)

Tổng số tiền mà bị đơn ông Đặng Văn T1 có có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T là 208.903.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là 204.380.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 4.523.600 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $208.903.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.445.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn).

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T

Buộc ông Đặng Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 208.903.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là 204.380.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 4.523.600 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Đặng Văn T1 phải chịu 10.445.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 2.434.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0014712 ngày 02/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự Cư M'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu